

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		535.094.013.790	582.384.169.652
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	29.968.597.017	31.508.039.371
1. Tiền	111		19.968.597.017	20.908.039.371
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	10.600.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		223.289.824.417	284.179.038.759
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	214.840.974.461	289.302.447.287
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	15.629.242.440	2.770.626.100
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.4	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	798.101.211	852.995.017
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(7.978.493.695)	(8.747.029.645)
IV. Hàng tồn kho	140		267.241.049.039	259.248.485.864
1. Hàng tồn kho	141	V.6	267.241.049.039	259.248.485.864
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.594.543.317	7.448.605.658
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	447.639.221	573.194.175
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.391.793.206	6.626.846.579
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	1.755.110.890	248.564.904

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		205.535.601.357	221.683.863.843
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		197.190.056.123	184.840.926.244
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	114.301.022.663	123.798.027.059
<i>Nguyên giá</i>	222		169.141.416.479	167.902.348.607
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(54.840.393.816)	(44.104.321.548)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	52.837.428.252	54.366.182.122
<i>Nguyên giá</i>	228		57.849.148.517	57.790.795.381
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.011.720.265)	(3.424.613.259)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	30.051.605.208	6.676.717.063
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.600.000.000	31.447.261.392
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	-	31.908.477.198
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	3.600.000.000	3.600.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(4.061.215.806)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.745.545.234	5.395.676.207
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.718.597.690	3.470.408.113
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		715.039.544	654.760.094
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	2.311.908.000	1.270.508.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		740.629.615.147	804.068.033.495

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CÙU LONG AN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		461.583.886.983	505.973.112.086
I. Nợ ngắn hạn	310		454.804.237.070	498.766.447.662
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	375.888.340.627	403.252.891.945
2. Phải trả người bán	312	V.17	48.550.779.302	60.262.560.024
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	2.745.921.746	3.594.921.340
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	1.259.991.674	256.324.252
5. Phải trả người lao động	315	V.20	4.271.931.278	10.434.960.912
6. Chi phí phải trả	316	V.21	8.288.467.473	6.547.600.938
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	1.327.144.895	792.837.755
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	12.471.660.075	13.624.350.496
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6.779.649.913	7.206.664.424
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	6.466.080.146	6.466.080.146
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		29.145.804	434.098.515
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.25	284.423.963	306.485.763
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		279.045.728.164	298.094.921.409
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.26	279.045.728.164	298.094.921.409
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		183.996.750.000	183.996.750.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.920.224.200	19.920.224.200
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.275.469.500	2.275.469.500
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		16.696.873.507	16.696.873.507
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		56.156.410.957	75.205.604.202
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp lại doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		740.629.615.147	804.068.033.495

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại:				
EURO			322,04	320,43
USD			779.640,10	781.502,34
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-



NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 15 tháng 10 năm 2012



TRẦN THỊ VÂN LOAN
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3 năm 2012		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	250.944.814.446	311.131.170.475	786.746.076.189	937.182.307.630
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	512.687.314	1.682.203.604	1.422.735.410	2.791.444.830
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	250.432.127.132	309.448.966.871	785.323.340.779	934.390.862.800
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	218.470.431.261	240.170.837.560	682.933.587.874	732.625.373.242
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.961.695.871	69.278.129.311	102.389.752.905	201.765.489.558
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	586.314.515	771.509.269	6.436.801.436	36.576.221.305
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.268.480.230	5.628.708.403	22.173.604.484	37.005.412.096
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.125.942.910	5.296.823.244	21.995.671.190	35.651.059.938
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	14.658.384.863	16.424.300.732	44.089.858.299	50.082.132.808
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	9.497.145.123	11.811.462.165	21.819.158.320	34.245.419.635
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.124.000.170	36.185.167.280	20.743.933.238	117.008.746.324
11. Thu nhập khác	31		-	6.595.295	3.707.262	13.523.659
12. Chi phí khác	32		427.394.810	506.380.179	823.542.633	1.398.785.907
13. Lợi nhuận khác	40		(427.394.810)	(499.784.884)	(819.835.371)	(1.385.262.248)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.696.605.360	35.685.382.396	19.924.097.867	115.623.484.076
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		534.168.811	3.620.165.552	2.639.173.273	12.102.621.273
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	(465.232.161)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>2.162.436.549</u>	<u>32.065.216.844</u>	<u>17.750.156.755</u>	<u>103.520.862.803</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>118</u>	<u>1.743</u>	<u>965</u>	<u>5.626</u>


NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 15 tháng 10 năm 2012

TRẦN THỊ VĂN LOAN
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19.924.097.867	115.623.484.076
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		12.090.190.740	12.322.686.155
- Các khoản dự phòng	03		(768.535.950)	8.502.404.785
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(307.208.900)	(3.427.752.818)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.730.846.344)	(803.685.691)
- Chi phí lãi vay	06		21.995.671.190	35.651.059.938
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		51.203.368.603	167.868.196.445
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		56.251.780.876	13.176.400.482
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.992.563.175)	(8.927.758.147)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(17.143.658.769)	10.396.343.924
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.877.365.377	(1.757.781.212)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(21.365.381.467)	(36.275.371.405)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.592.834.880)	(3.973.650.283)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.097.609.061)	(6.216.051.982)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		58.140.467.504	134.290.327.822
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(8.845.610.925)	(15.847.016.519)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(5.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		32.868.623	10.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.716.068.566	707.035.568
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.096.673.736)	(10.139.980.951)

CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16	1.124.884.512.350	988.258.705.082
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16	(1.140.668.398.472)	(1.125.974.192.971)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26	(36.799.350.000)	(11.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(52.583.236.122)	(148.715.487.889)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.539.442.354)	(24.565.141.018)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	31.508.039.371	42.193.145.636
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	29.968.597.017	17.628.004.618

An Giang, ngày 15 tháng 10 năm 2012



NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN
Kế toán trưởng



TRẦN THỊ VĂN LOAN
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỨU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản. Mua bán cá và thủy sản.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua,

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

lắp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng. Đối với quyền sử dụng đất không xác định thời hạn sẽ không tính khấu hao.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

11. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

12. Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư	2%

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

triển	theo chiều sâu của Công ty	
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	5%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	5%
• Quỹ thưởng Ban điều hành	Khen thưởng các thành viên quản lý chủ chốt trong Công ty	3%

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá quy đổi : Ngày 31/12/2011: 20.828 VND/USD

Ngày 30/09/2012 : 20.828 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỨU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỨU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính này được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	810.702.369	1.423.458.708
Tiền gửi ngân hàng	19.157.894.648	19.484.580.663
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng	10.000.000.000	10.600.000.000
Cộng	29.968.597.017	31.508.039.371

2. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quwat Albahr For Trading	93.129.027.864	117.719.588.985
Mohammed S.H. Shama Comercial EST	14.595.221.000	22.145.371.000
Saudi Pan Gulf Trading Co., LTD	12.793.599.000	28.027.198.200
Meridian Products	2.583.505.120	21.623.179.715
Censea INC	2.491.237.080	17.617.988.640
Grupo Almos S.A.DEC.V	10.830.560.000	5.462.143.000
Shawaya House Co.	6.888.861.000	1.275.715.000
Seaquest Seafood Corporation	6.072.882.444	6.524.532.417
Montkaura, S.L	4.419.722.428	4.419.722.428
Alliance Seafood Group	4.095.314.664	4.095.314.664
M.AL Nuaimi Foodstuff Trading L.L.C	3.697.865.604	2.393.512.104
Pasapesca S.A	2.830.742.853	4.098.126.653
The Sultan center For Trading And Contracting Co	2.494.153.000	1.239.266.000
Pomona	2.395.220.000	2.979.237.120
Maria Group Co (Off Shore)	1.528.775.200	3.078.690.820
Maria Fish Market Company	1.385.062.000	4.030.218.000
Marine Harvest USA	1.299.042.360	3.126.949.296
Kanpa International Sales	527.4691.000	0
Frigorifico Jahu LTDA	3.285.617.000	0
Khách hàng khác	32.749.874.844	39.445.693.245
Cộng	214.840.974.461	289.302.447.287

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cty TNHH KT Cơ Nhiệt Vinh Quang	4.876.212.000	0
Cty TNHH Thiết Bị Lạnh & Cách Nhiệt TST	2.582.500.000	0
Cty TNHH Cơ Khí Xây Dựng TM Tân Hoàng Tuấn	2.508.000.000	0
Cty TNHH ITV Tân Sanh	1.186.666.900	986.666.900
Trịnh Thị Hương	931.350.700	931.350.700
Cty Mạc Tích	477.620.000	0
Cty TNHH TVDV CBXK Thủy Sản	360.550.000	195.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đoàn Văn Tiếp	324.200.000	0
Phan Văn Rớt	289.000.000	100.000.000
Huỳnh Văn Lâm	267.510.000	0
Cty TNHH XL Điện Nước Thanh Bình	250.800.000	0
Cty TNHH XD Nam Phương	241.640.000	0
Các nhà cung cấp khác	1.333.192.840	557.608.500
Cộng	15.629.242.440	2.770.626.100

4. Các khoản phải thu khác	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	0	14.777.778
Lãi ứng trước tiền cá nguyên liệu	619.430.200	619.430.200
Phải thu khác	178.671.011	218.787.039
Cộng	798.101.211	852.995.017

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	7.978.493.695	8.747.029.645
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	244.624.860	244.624.860
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	7.733.868.835	8.502.404.785
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	-	-
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	7.978.493.695	8.747.029.645

6. Hàng tồn kho	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	3.988.507.035	5.653.504.432
Công cụ, dụng cụ	6.856.561.760	6.672.656.666
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	62.460.903.092	87.066.770.980
Thành phẩm	193.084.373.419	149.167.753.474
Hàng gửi đi bán	850.703.733	10.687.800.312
Cộng	267.241.049.039	259.248.485.864

7. Chi phí trả trước ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	78.476.117	-
Công cụ dụng cụ	369.163.104	573.194.175
Cộng	447.639.221	573.194.175

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. Tài sản ngắn hạn khác**

Các khoản tạm ứng cho nhân viên.

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	63.764.130.179	100.837.341.344	1.966.558.176	1.334.318.908	167.902.348.607
Mua / kết chuyển trong kỳ	63.784.802	326.390.000	0	213.469.820	603.644.622
Tăng TS do sáp nhập			635.423.250		635.423.250
Thanh lý					
Số cuối kỳ	63.827.914.981	101.163.731.344	2.601.981.426	1.547.788.728	169.141.416.479
Giá trị hao mòn					0
Số đầu năm	10.606.798.794	31.668.605.023	989.941.480	838.976.251	44.104.321.548
Khấu hao trong kỳ	2.999.200.374	7.172.950.002	185.006.406	145.926.952	10.503.083.734
Chuyển KHTSCĐ sau khi sáp nhập			232.988.534		232.988.534
Thanh lý, nhượng bán					
Số cuối kỳ	13.605.999.168	38.841.555.025	1.407.936.420	984.903.203	54.840.393.816
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	53.157.331.385	69.168.736.321	976.616.696	495.342.657	123.798.027.059
Số cuối kỳ	50.221.915.813	62.322.176.319	1.194.045.006	562.885.525	114.301.022.663

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	57.790.795.381
Tăng trong kỳ	58.353.136
Giảm trong kỳ	
Số cuối kỳ	57.849.148.517
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	3.424.613.259
Khấu hao trong kỳ	1.587.107.006
Giảm trong kỳ	
Số cuối kỳ	5.011.720.265
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	54.366.182.122
Số cuối kỳ	52.837.428.252

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Tăng sau khi sắp nhập	Kết chuyển trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ					
XDCB dở dang	6.676.717.063	8.354.826.596	15.191.272.978	(228.663.666)	29.994.152.971
Sửa chữa lớn TSCĐ		115.524.510	0	(58.072.273)	57.452.237
Số cuối kỳ	6.676.717.063	8.470.351.106	15.191.272.978	(286.735.939)	30.051.605.208

12. Đầu tư vào công ty con

Ngày 30/03/2012 công ty CP XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang đã hoàn thành thủ tục sáp nhập với Công ty CP chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang (chuyển từ công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang) theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600680398 thay đổi lần 5 ngày 21/4/2012.

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Tô Châu (*)	300.000	3.600.000.000	300.000	3.600.000.000
Cộng		3.600.000.000		3.600.000.000

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	11.907.332	418.434.052
Công cụ dụng cụ	362.685.842	498.365.477
Phí thuê luật sư vụ kiện chống bán phá giá vào Mỹ	1.344.004.516	2.553.608.584
Cộng	1.718.597.690	3.470.408.113

15. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ký quỹ, ký cược khác	2.311.908.000	1.270.508.000
Cộng	2.311.908.000	1.270.508.000

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	372.774.086.555	379.727.859.657
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang ^(a)	40.572.036.915	90.702.772.690
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang ^(b)	89.496.458.040	96.197.053.368
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam ^(c)	82.203.976.000	63.983.172.400
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Đồng Tháp ^(d)	16.631.158.000	20.692.618.000
Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam ^(e)	103.124.650.400	58.210.547.425
Ngân Hàng TMCP Công Thương VN – Chi nhánh An Giang ^(f)	40.745.807.200	49.941.695.774

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Vay Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang (không phải trả lãi)	0	10.690.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	3.114.254.072	12.835.032.288
Cộng	375.888.340.627	403.252.891.945

- (a) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, để mua nguyên liệu và chi phí chế biến thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là quyền sở hữu công trình xây dựng nhà máy chế biến thủy sản của Công ty.
- (b) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất thỏa thuận theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và hàng tồn kho (thành phẩm), tài sản cố định.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam với lãi suất tại thời điểm nhận nợ, để thực hiện phương án sản xuất kinh doanh mặt hàng xuất khẩu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền nhận toàn bộ các khoản thanh toán phát sinh từ các hợp đồng mua bán và tổng giá trị các tài sản thế chấp tại mọi thời điểm không thấp hơn 50 tỷ VND.
- (d) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho bình quân (bao gồm toàn bộ hàng tồn kho) tương đương 31,5 tỷ đồng.
- (e) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam với lãi suất theo từng lần nhận nợ, để phục vụ sản xuất kinh doanh cá tra xuất khẩu. Khoản vay này được đảm bảo bằng thế chấp hàng tồn kho (thành phẩm) tương đương 31 tỷ, và thế các khoản phải thu với giá trị ròng trên sổ sách ít nhất bằng 3.000.000 USD.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Giảm do sáp nhập</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	379.727.859.657	1.124.592.784.202	(1.131.239.348.404)	0	(307.208.900)	372.774.086.555
Vay tổ chức khác	10.690.000.000	0	0	(10.690.000.000)		0
Vay dài hạn đến hạn trả	12.835.032.288	0	(9.720.778.216)			3.114.254.072
Cộng	403.252.891.945	1.124.592.784.202	(1.140.960.126.620)	(10.690.000.000)	(307.208.900)	375.888.340.627

17. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các nhà cung cấp cá nguyên liệu, cá giống	24.472.343.470	35.388.036.900
Cty CP XNK Thủy Sản Cửu Long	15.829.304.316	3.340.832.670
Cty Cổ Phần Thủy Sản Việt Thắng	0	14.529.404.719
Cty TNHH Hoá Chất Thành Phương	1.382.425.000	824.450.000
Cty TNHH SX TM DV Nguyễn Liêm	1.207.343.345	347.701.805
Cty TNHH SX BB TM Nguyễn Phước	1.086.401.140	1.310.876.765
DNTN Vạn ý	963.171.818	0
Cty CP Bao Bì Thủy Sản	423.254.362	730.805.240

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Cty TNHH King Group	410.467.750	0
Cty Công Nghiệp Tân á	403.392.000	968.273.350
Công ty CP Nhựa Rạng Đông	302.578.400	344.504.050
Cty TNHH TM CB TS Thanh Bình	0	300.080.000
Cty TNHH COSTAR Việt Nam	249.266.600	0
Cty TNHH 195 Long Xuyên	215.460.000	0
Cty TNHH SX - TM Hóa chất Cửu Long	185.093.000	6.336.000
Khách hàng khác	1.420.278.101	2.171.258.525
Cộng	48.550.779.302	60.262.560.024

18. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Cty TNHH Sản Xuất TM Nguyệt Trang	1.715.237.752	811.015.680
Alfakher Company For Food Industries	0	1.216.038.614
Mai Thị Bảo Châu	0	858.579.920
Moussallem Bros SARL	401.584.668	0
RJ Pescados Comercio importacao E Exportacao LTDA	255.143.000	0
Dallah Int'l Catering & Trading	0	260.350.000
Tropic Trade	183.203.088	183.203.088
Taitung Australia Pty Ltd	103.556.816	103.556.816
Các khách hàng khác	87.196.422	162.177.222
Cộng	2.745.921.746	3.594.921.340

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Điều chỉnh của các năm trước	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	195.467.695	2.693.173.273	(1.592.834.880)	0	1.241.806.088
Thuế thu nhập cá nhân	56.720.877	206.940.024	(226.086.946)	(19.388.369)	18.185.586
Thuế tài nguyên	4.135.680	32.183.760	(36.319.440)	0	0
Các loại thuế khác	0	3.000.000	(3.000.000)	0	0
Cộng	256.324.252	2.935.297.057	(1.858.241.266)	(19.388.369)	1.259.991.674

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu 0%, hàng tiêu thụ trong nước 5%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**20. Phải trả người lao động.**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải trả người lao động	4.271.931.278	10.434.960.912
Cộng	4.271.931.278	10.434.960.912

21. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Trích trước tiền điện thoại	0	14.109.270
Trích trước phí hoa hồng	59.111.236	1.999.291.088
Trích trước chi phí khác	213.632.400	72.756.959
Trích trước phí lưu kho	479.582.915	220.769.276
Trích trước phí lãi vay ngắn hạn	1.058.656.858	428.367.135
Trích trước cước tàu và phí chứng từ	6.208.020.544	3.702.636.320
Trích trước phí vi sinh	172.401.000	100.876.000
Trích trước phí vận chuyển xe lạnh	97.062.520	8.794.890
Cộng	8.288.467.473	6.547.600.938

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Bảo hiểm xã hội	482.515.848	528.847.968
Kinh phí công đoàn	641.115.754	253.885.750
Phải trả khác	203.513.293	10.104.037
Cộng	1.327.144.895	792.837.755

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Trích bổ sung trong kỳ</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	5.089.835.927	0	(248.950.000)	4.840.885.927
Quỹ phúc lợi	2.445.386.451	0	(592.280.421)	1.853.106.030
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	6.089.128.118	0	(311.460.000)	5.777.668.118
Cộng	13.624.350.496	0	(1.152.690.421)	12.471.660.075

24. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển An Giang	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang ^(a)	6.466.080.146	6.466.080.146
Cộng	6.466.080.146	6.466.080.146

- (a) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất 15%/năm, để bổ sung vốn trung dài hạn xây dựng phân xưởng 2 nhà máy chế biến thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Số đầu năm	6.466.080.146
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	
Số kết chuyển	0
Số tiền vay đã trả trong kỳ	0
Số cuối kỳ	6.466.080.146

25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	306.485.763
Chi trong kỳ	(22.061.800)
Số cuối kỳ	284.423.963

26. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục đính kèm

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.399.675	18.399.675
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.399.675	18.399.675
- Cổ phiếu phổ thông	18.399.675	18.399.675
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.399.675	18.399.675
- Cổ phiếu phổ thông	18.399.675	18.399.675
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 3	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	250.944.814.446	311.131.170.475
- Doanh thu bán thành phẩm	209.691.263.624	274.565.169.299
- Doanh thu bán phụ phẩm	41.253.550.822	36.559.200.536
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		6.800.640

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Quý 3		
	Năm nay	Năm trước
Khoản giảm trừ doanh thu:	512.687.314	1.682.203.604
- Hàng bán bị trả lại	512.687.314	1.446.891.264
- Giảm giá hàng bán		235.312.340
Doanh thu thuần	250.432.127.132	309.448.966.871
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	209.178.576.310	272.882.965.695
- Doanh thu thuần bán phụ phẩm	41.253.550.822	36.559.200.536
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ		6.800.640

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm là thành phẩm cung cấp, chi tiết như sau:

Quý 3		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	181.383.804.001	209.867.479.265
Chi phí nhân công trực tiếp	15.137.104.629	17.502.099.920
Chi phí sản xuất chung	15.111.649.790	12.053.568.634
Tổng chi phí sản xuất	211.632.558.420	239.423.147.819
Chênh lệch chi phí sản xuất dở dang	31.339.179.834	53.396.738.714
Tổng giá thành sản xuất	242.971.738.254	292.819.886.633
Chênh lệch thành phẩm tồn kho	(24.501.306.993)	(52.649.048.973)
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	218.470.431.261	240.170.837.560

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Quý 3		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	26.894.385	34.988.748
Lãi cho vay	252.211.230	343.765.013
Lãi chênh lệch tỷ giá	307.208.900	385.433.516
Chiết khấu thanh toán	0	7.321.992
Cộng	586.314.515	771.509.269

4. Chi phí tài chính

Quý 3		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí tài chính	142.537.320	331.885.159
Lãi vay	5.125.942.910	5.296.823.244
Cộng	5.268.480.230	5.628.708.403

5. Chi phí bán hàng

Quý 3		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bảo hành	627.705.477	668.233.380

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Quý 3	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.030.679.386	15.756.067.352
Cộng	14.658.384.863	16.424.300.732

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 3	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.518.487.244	6.559.729.683
Chi phí vật liệu quản lý	4.850.000	5.767.273
Chi phí đồ dùng văn phòng	274.360.650	91.436.475
Chi phí khấu hao TSCĐ	230.312.523	207.861.291
Thuế, phí và lệ phí	24.148.156	85.643.446
Chi phí dự phòng	0	2.599.744.238
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.716.109.324	1.924.648.890
Chi phí bằng tiền khác	728.877.226	336.630.869
Cộng	9.497.145.123	11.811.462.165

**NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN**
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 15 tháng 10 năm 2012

**TRẦN THỊ VĂN LOAN**
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	110.000.000.000	19.920.224.200	-	4.403.279.903	11.008.199.758	84.482.978.440	229.814.682.301
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	113.382.117.106	113.382.117.106
Tăng vốn từ lợi nhuận	67.093.470.097	-	-	-	-	(67.093.470.097)	-
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	4.403.279.903	-	-	(4.403.279.903)	-	-	-
Tăng vốn từ quỹ khen thưởng	2.500.000.000	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	-	2.500.000.000
Trích các quỹ trong năm trước	-	-	-	2.275.469.500	5.688.673.749	(38.500.000.000)	(38.500.000.000)
Chi khác trong năm trước	-	-	-	-	-	(17.066.021.247)	(9.101.877.998)
Số dư cuối năm trước	183.996.750.000	19.920.224.200	-	2.275.469.500	16.696.873.507	75.205.604.202	298.094.921.409
Số dư đầu năm nay	183.996.750.000	19.920.224.200	-	2.275.469.500	16.696.873.507	75.205.604.202	298.094.921.409
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	17.750.156.755	17.750.156.755
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	(36.799.350.000)	(36.799.350.000)
Số dư cuối kỳ	183.996.750.000	19.920.224.200	-	2.275.469.500	16.696.873.507	56.156.410.957	279.045.728.164

Đơn vị tính: VND

An Giang, ngày 15 tháng 10 năm 2012



(Signature)

Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng

Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc